

Số: **134** /BC-BCTHà Nội, ngày **12** tháng 6 năm 2024**BÁO CÁO**

Đánh giá tình hình thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5, Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi).

Để chuẩn bị cho việc xây dựng dự thảo Nghị định, ngày 22 tháng 8 năm 2023, Bộ Công Thương có Công văn số 5723/BCT-TCQLTT đề nghị các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành đánh giá thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi. Trên cơ sở văn bản đánh giá tình hình thi hành của các cơ quan, đơn vị, Bộ Công Thương tổng hợp kết quả đánh giá thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi của các Bộ, ngành và địa phương như sau:

I. Ưu điểm và kết quả đạt được**1. Ưu điểm**

Để thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 và để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật khi một số văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, có hiệu lực từ ngày 15/10/2020 thay thế Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính

phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Nghị định số 141/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ 01/01/2022. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, trong đó có Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

Trong hơn 03 năm triển khai thi hành, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi đã thể hiện được vai trò quan trọng trong việc bảo vệ trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại, tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan, lực lượng chức năng, góp phần kiểm chế tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng một cách có hiệu quả.

Đề Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sau khi được ban hành nhanh chóng đi vào cuộc sống, công tác tổ chức triển khai thi hành Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cũng được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Tại hầu hết các địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai thực hiện; tổ chức các hội nghị triển khai thực hiện; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên sâu cho các lực lượng trực tiếp tham gia kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính. Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP tới các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú như đăng tải nội dung và những điểm mới của Nghị định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành; in, phát hành sổ tay, tờ rơi, tờ gấp về pháp luật xử lý vi phạm hành chính; vận động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia tố giác, đấu tranh với các hành vi vi phạm, phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh, thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức ký cam kết không sản xuất, kinh doanh hàng lậu, hàng giả, hàng cấm đối với các hộ kinh doanh; đưa tin trên

phương tiện thông tin đại chúng về các vụ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính... Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cùng với công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện của Chính phủ, các cấp, các ngành đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong việc chấp hành các quy định pháp luật về thương mại của các tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, buôn bán hàng giả, hàng hoá không đảm bảo chất lượng.

Công tác phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính giữa các lực lượng chức năng cũng được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Tại nhiều địa phương đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa các lực lượng Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường... trong đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và triển khai đồng bộ các biện pháp tăng cường đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Kết quả đạt được

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trong 03 năm triển khai thi hành Nghị định, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của các lực lượng chức năng tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần kiềm chế tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hoá không rõ nguồn gốc, xuất xứ... và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trên phạm vi cả nước.

Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của một số lực lượng chức năng cụ thể như sau:

Giai đoạn	Số vụ kiểm tra/thanh tra	Số vụ bị xử phạt	Số tiền thu từ xử phạt (đồng)	Trị giá tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
Quản lý thị trường				
15/12/2020-14/12/2021	18.821	11.945	95.031.776.350	146.674.890.194
15/12/2021-14/12/2022	21.294	13.462	129.811.735.197	176.764.958.671
15/12/2022-14/6/2023	11.277	8.388	96.231.984.346	101.741.910.211

Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam				
15/12/2020-14/12/2021	298	646	4.915.735.000	21.783.515.394
15/12/2021-14/12/2022	391	431	6.830.725.022	20.175.473.636
15/12/2022-14/6/2023	207	213	3.668.050.000	6.014.978.766
Hải quan				
15/12/2020-14/12/2021	147	165	14.904.114.296	13.520.827.821
15/12/2021-14/12/2022	121	232	11.543.491.009	6.535.569.641
15/12/2022-14/6/2023	66	105	8.750.932.513	6.418.546.696

Các nhóm hành vi vi phạm được phát hiện và xử phạt chủ yếu theo Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi bao gồm: vi phạm về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và chứng chỉ hành nghề kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; hành vi kinh doanh dịch vụ cấm, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng cấm; hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng hóa quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ và có vi phạm khác; hành vi vi phạm về sản xuất, kinh doanh thuốc lá, rượu; hành vi vi phạm quy định pháp luật về hoạt động xúc tiến thương mại, về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thương mại điện tử v.v..

Việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhìn chung được thực hiện nghiêm túc; có ít trường hợp tồn đọng và khiếu nại, khởi kiện hành chính đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đa số các đối tượng vi phạm đã chấp hành quyết định xử phạt đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp, quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa được thi hành do những nguyên nhân như đối tượng không có nơi cư trú ổn định hoặc đã rời bỏ địa phương; có khó khăn về điều kiện kinh tế, thu nhập không thể thi hành quyết định xử phạt v.v..

II. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi

1. Phần quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Khoản 3 Điều 1 quy định: “Các vi phạm hành chính khác trong hoạt động thương mại về kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng; giá, niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ; chứng từ, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ; đo lường, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa lưu thông, kinh doanh trên thị trường; nhãn hàng hóa; sở hữu trí tuệ; thủ tục đăng ký kinh doanh; biển hiệu; quảng cáo thương mại; kinh doanh đấu giá hàng hóa; kinh doanh đấu thầu hàng hóa, dịch vụ; mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới và các hành vi vi phạm khác thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan”. Tuy nhiên, trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước nêu trên chưa có quy định một số hành vi vi phạm hành chính, do đó, đề nghị bổ sung nội dung “trong trường hợp quy định của pháp luật về lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan không quy định hành vi vi phạm hành chính thì áp dụng quy định tại Nghị định này để xử lý vi phạm hành chính”.

1.2. Giải thích từ ngữ

a) Hàng cấm

- Khoản 5 Điều 3 giải thích ““Hàng cấm” gồm hàng hóa cấm kinh doanh, hàng hóa cấm lưu hành và hàng hóa cấm sử dụng tại Việt Nam.”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 190, 191 Bộ luật Hình sự, hàng cấm bao gồm: thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng; thuốc lá điều nhập lậu; pháo nổ; hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng; hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam. Theo đó, Điều 8 Nghị định 98/2020/NĐ-CP sửa đổi quy định xử phạt hành chính với các loại hàng cấm tương ứng và khoản 13 Điều 8 quy định dẫn chiếu áp dụng quy định tại các nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan để xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam. Như vậy, định nghĩa tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP chưa bao hàm hết các loại hàng cấm được quy định tại Điều 190, 191 Bộ luật Hình sự và nội dung tại Điều 8 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

b) Hàng hóa nhập lậu

- Điểm đ khoản 3 Điều 3 quy định hàng hóa nhập lậu gồm “hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật phải dán tem nhập khẩu nhưng không có tem dán vào hàng hóa theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, Điều 20 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi quy định hình thức xử phạt cụ thể đối với hành vi không dán tem nhập khẩu đối với thuốc lá nhập khẩu với mục đích thương mại. Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi lại quy định dẫn chiếu xử phạt theo quy định tại Điều 15 (hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu) đối với hành vi kinh doanh sản phẩm rượu nhập khẩu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên không dán tem rượu nhập khẩu theo quy định. Như vậy có sự không thống nhất trong xử lý vi phạm đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật

phải dán tem nhập khẩu nhưng không có tem dán vào hàng hóa theo quy định của pháp luật.

c) Hàng giả

- Điểm b khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định hàng giả là “Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa”. Đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, qua công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện có những trường hợp định lượng chất chính đạt cao hơn mức tối đa quy định tại tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa nhưng chưa có quy định đối với những trường hợp này. Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định đối với trường hợp có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa đạt mức cao hơn mức tối đa quy định tại tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa.

- Điểm d khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định hàng giả bao gồm “Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật (...) có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng” gây bất lợi lớn cho doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật đặc biệt đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đúng sản phẩm được cấp phép nhưng do một số nguyên nhân dẫn tới sản phẩm không đạt chất lượng. Do đó đề nghị sửa đổi điểm d khoản 7 Điều 3 như sau: “Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa”.

- Điểm đ khoản 7 Điều 3 quy định hàng giả bao gồm “hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa”. Khoản 13 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định căn cứ xác định nguồn gốc nơi sản xuất hoặc xuất xứ của hàng hóa bao gồm: thông tin được thể hiện trên nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa, tài liệu kèm theo hàng hóa; chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa... Thực tế nhiều trường hợp đã phát hiện thông tin về xuất xứ hàng hóa thể hiện trên nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa khác với chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Cụ thể như một số vụ việc hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, nội dung khai hải quan trên tờ khai hải quan thể hiện xuất xứ Trung Quốc, hồ sơ hải quan có Giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc cấp (C/O mẫu E), trong khi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phát hiện trên nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa thể hiện xuất xứ Việt Nam, Đức, Hàn Quốc, Đài Loan, Thụy Điển... Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về cách xác định “hàng hóa có nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa”. Do đó, cơ quan Hải quan gặp khó khăn

trong việc xác định và chứng minh hành vi vi phạm của doanh nghiệp nhập khẩu. Cơ quan Hải quan có được phép căn cứ vào việc doanh nghiệp không chứng minh được hàng hóa thực sự được sản xuất tại nước ghi trên nhãn hàng hóa để xác định hàng hóa là giả mạo xuất xứ hay không? Như vậy có vi phạm nguyên tắc “*Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính*” hay không? Trường hợp hồ sơ hải quan có Giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc cấp, nhưng trên nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa lại thể hiện xuất xứ khác ngoài Trung Quốc thì căn cứ vào Giấy chứng nhận xuất xứ đã đủ cơ sở để xác định hàng hóa được sản xuất tại Trung Quốc và là hàng hóa giả mạo xuất xứ hay chưa? Do đó, đề nghị có quy định hướng dẫn cụ thể về nội dung này làm cơ sở cho việc thực thi.

- Điểm đ khoản 7 Điều 3 quy định hàng giả là “Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa *ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác*”.

+ Theo quy định trên, hàng hóa có nhãn, bao bì ghi chỉ dẫn giả mạo cả tên và địa chỉ mới được xác định là hàng giả hay chỉ giả mạo tên hoặc địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa cũng được xác định là hàng giả.

+ Trường hợp hàng hóa có nhãn, bao bì ghi Website thuộc sở hữu của thương nhân khác có được xác định là hàng giả hay không?

+ Trường hợp giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của hàng hóa khác của chính thương nhân đó có được xác định là hàng giả hay không. Vì thực tế kiểm tra, kiểm soát đã phát hiện cùng một tổ chức sản xuất, kinh doanh (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) đã được cấp chứng nhận đăng ký lưu hành, mã sản phẩm cho một sản phẩm, nhưng lại sản xuất thêm một sản phẩm khác có công thức thành phần, tên gọi tương tự nhưng sử dụng số đăng ký lưu hành, mã sản phẩm được cấp lưu hành nên không thể áp dụng xử phạt giả vì nhiều ý kiến cho rằng phải giả của *của tổ chức, cá nhân khác*.

- Khoản 13 Điều 3 có quy định: *Căn cứ xác định nguồn gốc nơi sản xuất hoặc xuất xứ của hàng hóa bao gồm thông tin được thể hiện trên nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa, tài liệu kèm theo hàng hóa, đây là kẻ hở để các đối tượng lợi dụng để chứng minh nguồn gốc nơi sản xuất hoặc xuất xứ của hàng hóa. Khoản 13 Điều 3 cũng quy định căn cứ xác định nguồn gốc nơi sản xuất hoặc xuất xứ của hàng hóa bao gồm giao dịch dân sự giữa tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa với bên có liên quan theo quy định của pháp luật. Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự như sau: “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Tuy nhiên, trên thực tế việc xác lập căn cứ về giao dịch dân sự giữa*

tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa với bên có liên quan đang có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất.

d) Thuật ngữ khác

- Điều 3 Nghị định 98/2020/NĐ-CP giải thích từ ngữ “Buôn bán” là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chào hàng, bày bán, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động khác đưa hàng hóa vào lưu thông. Tuy nhiên, Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định về hành vi “Kinh doanh hàng hóa...” mà không có giải thích với cụm từ “kinh doanh” gây khó khăn khi áp dụng xử lý vi phạm hành chính.

1.3. Về biện pháp khắc phục hậu quả

Điểm b khoản 3 Điều 4 có quy định biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại”. Tuy nhiên, căn cứ xác định hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại; nhiều trường hợp phải thực hiện kiểm định, kiểm nghiệm, giám định mới có cơ sở xác định, nhưng không đảm bảo được thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính dẫn đến không thống nhất trong áp dụng.

Hiện nay không có quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với các loại hàng hóa mà không phải là tang vật gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường nhưng không đủ điều kiện để lấy mẫu kiểm nghiệm làm căn cứ xác định chất lượng hàng hóa do đó không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường, không đảm bảo an toàn sử dụng. Vì vậy công tác xử lý đối với các loại hàng hóa này gặp nhiều khó khăn.

1.4. Xác định giá trị tang vật tại Điều 5

- Việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt bao gồm căn cứ “giá thị trường”, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể thế nào là giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính. Qua thực tiễn cho thấy đối với cùng một loại sản phẩm, hàng hoá tương tự nhau nhưng lại có các mức giá khác nhau, do nhiều cơ sở sản xuất, nhiều nhà phân phối, nhiều chương trình hỗ trợ khách hàng khác nhau... dẫn đến công tác xác định giá trị hàng hoá của người có thẩm quyền vẫn gặp phải một số khó khăn nhất định, chưa thống nhất.

- Căn cứ xác định giá trị hàng cấm còn gặp nhiều khó khăn, chưa có hướng dẫn cụ thể do là hàng cấm không có giá niêm yết, không được kinh doanh trên thị trường chính thức.

2. Đối với quy định liên quan đến hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh

Chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh còn thấp, chưa đồng nhất với chế tài xử phạt của các văn bản quy phạm pháp luật khác cùng điều chỉnh về một hành vi vi phạm. Ví dụ như:

Tại mục 38, Phụ lục IV, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 thì kinh doanh xăng dầu là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh: “Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không có giấy phép kinh doanh theo quy định”. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định: Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi “Kinh doanh xăng dầu mà không có Giấy phép kinh doanh xăng dầu theo quy định”.

3. Đối với quy định liên quan đến hành vi kinh doanh dịch vụ thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng cấm

a) Sản xuất, buôn bán hàng giả

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định mức xử phạt vi phạm hành chính đối với sản xuất, buôn bán hàng giả dựa trên trị giá hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật. Tuy nhiên, Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP đều chưa quy định cụ thể hành vi vi phạm hành chính sản xuất, buôn bán hàng giả là áp dụng đối với 01 sản phẩm hay nhiều sản phẩm cùng loại hay nhiều sản phẩm khác loại.

- Điều 9, 10, 11, 12 quy định xử phạt đối hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả theo giá trị hàng hóa hoặc số thu lợi bất hợp pháp. Trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm và số thu lợi bất hợp pháp thuộc các khung phạt tiền khác nhau (không cùng trong 01 điểm) gây khó khăn trong việc xác định hành vi, khung phạt tiền và thẩm quyền xử phạt. (Tương tự là Điều 8).

- Điều 12 chưa có quy định xử lý đối với nguyên, vật liệu được sử dụng để sản xuất hàng giả.

b) Sản xuất, buôn bán hàng cấm

- Điều 8 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “*Buôn bán hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng*”. Tuy nhiên, hiện nay, chưa có văn bản nào quy định về *hàng hoá khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng*. Do đó, trên thực tế cơ quan chức năng gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định hàng hoá khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng để xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

- Cần tiến hành rà soát, quy định cụ thể các hàng hóa cấm kinh doanh để quy định tại Điều 8 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sau khi Nghị định số 59/2006/NĐ-CP bị bãi bỏ, tránh trường hợp không có cơ sở xác định hàng cấm.

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP chưa xác định rõ ranh giới giữa xử phạt vi phạm hành chính và xử lý hình sự đối với hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá

điều nhập lậu từ 1.500 bao trở lên. Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao trở lên sẽ bị phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng trong trường hợp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm quy định hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao trở lên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cụ thể: Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

4. Đối với quy định liên quan đến hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; hàng hóa lưu thông trong nước bị áp dụng biện pháp khẩn cấp; hàng hóa quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ và có vi phạm khác

a) Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ

- Điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định hành vi kinh doanh “hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ” chưa quy định đối với hành vi “vận chuyển, tàng trữ hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ” gây khó khăn trong việc xử lý hành chính đối với hành vi này trên thực tiễn.

- Điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định hành vi mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp. Điểm c khoản 12 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này đối với hàng hóa vi phạm thuộc trường hợp “hàng hóa khác thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện”. Quy định tại điểm c khoản 12 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong trường hợp hàng hóa vi phạm là khoáng sản: (i) không áp dụng phạt tiền gấp hai lần trong trường hợp hàng hóa vi phạm là khoáng sản do điểm d khoản 1 Điều 17 đã quy định cụ thể loại hàng hóa là khoáng sản; (ii) áp dụng phạt tiền gấp hai lần trong trường hợp hàng hóa vi phạm là khoáng sản do khoáng sản thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và chưa được liệt kê tại điểm a, b khoản 12 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

b) Kinh doanh hàng hóa vi phạm về thời hạn sử dụng của hàng hóa

Cùng hành vi vi phạm về thời hạn sử dụng của hàng hóa nhưng có sự khác nhau về mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả tại điểm a, b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP.

c) Kinh doanh hàng hóa nhập lậu

- Khoản 2 Điều 15 quy định “Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây: a) Người vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị dưới 100.000.000 đồng hoặc từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; b) Hàng hóa nhập lậu thuộc danh mục cấm nhập khẩu hoặc tạm

ngừng nhập khẩu; c) Hàng hóa nhập lậu là thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm, thuốc phòng bệnh và thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, xi măng, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, giống cây trồng, giống vật nuôi”. Vụ việc vừa thuộc trường hợp quy định tại điểm a (người vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa) vừa thuộc trường hợp quy định tại điểm b hoặc c (hàng hóa nhập lậu là thực phẩm) thì xử phạt gấp 02 hay 04 lần cũng chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Đối với quy định liên quan đến hành vi vi phạm về kinh doanh thuốc lá và kinh doanh rượu

- Điểm c khoản 4 Điều 23 quy định hành vi “Bán thuốc lá phía ngoài cổng các nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường trong phạm vi 100m tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó” là phù hợp với việc đảm bảo thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá. Tuy nhiên, thực tế có trường hợp các hộ kinh doanh đã được cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá điều trước thời điểm xây dựng mới các công trình như: nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường ... thì việc xử lý trong các trường hợp này tương đối khó khăn.

- Khoản 3 Điều 28 quy định “Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh rượu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên”. Do không dẫn chiếu trực tiếp đến hành vi quy định tại điểm h, i khoản 1 nên việc xác định thẩm quyền chưa được rõ ràng đối với một số chức danh không có thẩm quyền áp dụng biện pháp “Tước quyền sử dụng giấy phép” nhưng giá trị hàng hóa vi phạm dưới 50.000.000 đồng (tức là không thuộc trường hợp áp dụng biện pháp tước quyền sử dụng giấy phép).

6. Đối với quy định liên quan đến hành vi đầu cơ hàng hóa và găm hàng

Một số hành vi cũng được quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như: cắt giảm thời gian bán hàng, thời gian cung ứng hàng hóa khác với thời gian trước đó; cắt giảm lượng hàng hóa bán ra thị trường...

7. Đối với quy định liên quan đến hành vi vi phạm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 20/6/2023 thay thế Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Vì vậy, cần tiến hành rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi cho phù hợp.

- Khoản 3 Điều 49 quy định “Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên”. Việc sử dụng cụm từ “trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên” còn có cách hiểu khác nhau:

(i) Hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh tức là hành vi không đăng ký hoặc không đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn từ 02 tỉnh;

(ii) Hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh được hiểu là hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chưa đăng ký được áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc áp dụng trên phạm vi từ 02 tỉnh trở lên theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP (“Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tiếp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh trở lên”).

Do đó, đề nghị sửa đổi như sau: “Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được áp dụng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên”.

8. Đối với quy định liên quan đến hành vi vi phạm về thương mại điện tử

Năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử (TMĐT). Tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP có nhiều nội dung quy định mới về hoạt động TMĐT như: trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT (sàn); trách nhiệm của sàn có yếu tố nước ngoài; trách nhiệm của các thương nhân, tổ chức vận hành mạng xã hội theo hình thức sàn giao dịch TMĐT. Qua 03 năm triển khai Nghị định số 98/2020/NĐ-CP và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP, các cơ quan, lực lượng chức năng đã xử lý nhiều đối tượng theo các nhóm hành vi được quy định trong hai văn bản này. Tuy nhiên qua thực tế quá trình thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, đã phát sinh một số hành vi vi phạm pháp luật về TMĐT chưa có quy định cụ thể trong Nghị định 98/2020/NĐ-CP và Nghị định 17/2022/NĐ-CP. Do đó, cần rà soát, bổ sung một số chế tài xử lý hành vi vi phạm quy định mới tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP nhằm nâng cao ý thức của các thương nhân, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động TMĐT và đảm bảo tính tuân thủ của pháp luật.

- Quy định hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử tại Nghị định 98/2020/NĐ-CP không thống nhất với Nghị định số 52/2013/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP): Tại khoản 6 Điều 64 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định: “Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hàng vi tổ chức mạng lưới kinh doanh, tiếp thị cho dịch vụ thương

mại điện tử trong đó mỗi người tham gia phải đóng một khoản tiền ban đầu để mua dịch vụ và được nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc vận động người khác tham gia mạng lưới.”. Hành vi nêu trên bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP, cụ thể hành vi “Lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để kinh doanh theo phương thức đa cấp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp”. Như vậy, quy định xử phạt về hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định 17/2022/NĐ-CP chưa được cập nhật theo quy định nêu trên tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi cho phù hợp.

- Điểm b khoản 5 Điều 66 không phù hợp với quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 78 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP: Theo điểm 1 khoản 1 Điều 78 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, hành vi “Tiếp tục hoạt động sau khi đã chấm dứt hoặc bị hủy bỏ đăng ký, chấm dứt hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử” được xác định là vi phạm hành chính. Hành vi này sẽ bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng theo điểm b khoản 5 Điều 66 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP đã bãi bỏ cụm từ “chấm dứt hoặc bị thu hồi Giấy phép” theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 78 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. Do đó, hành vi “Tiếp tục hoạt động sau khi đã chấm dứt hoặc bị hủy bỏ đăng ký, chấm dứt hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử” quy định tại điểm b khoản 5 Điều 66 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP là không thống nhất với hành vi “Tiếp tục hoạt động sau khi đã chấm dứt hoặc bị hủy bỏ đăng ký hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử” quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 78 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP).

- Điều 62, 63 chủ yếu áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi thiết lập website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động. Tuy nhiên trong thực tế, các chủ sở hữu website thường không phải là đối tượng thiết lập website (thuê thiết lập) hoặc một website sử dụng chung cho nhiều đối tượng (một website sử dụng cho nhiều chi nhánh, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh... có thể ở nhiều tỉnh thành khác nhau) dẫn đến việc kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính khó khăn.

- Điểm đ khoản 1 Điều 62 quy định phạt tiền đối với hành vi “Không công bố hoặc công bố không đầy đủ, không chính xác trên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng thông tin về chủ sở hữu website hoặc ứng dụng bán hàng; thông tin hàng hóa, dịch vụ; thông tin về số giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật; thông tin về giá cả; thông tin vận chuyển và giao nhận; thông tin về điều kiện giao dịch chung; thông tin về các phương thức thanh toán theo quy định”. Thực tế đối với một tổ chức, cá nhân có hành vi

vi phạm không công bố hoặc công bố không đầy đủ, không chính xác trên website thương mại điện tử về nhiều nội dung như: thông tin về chủ sở hữu website; thông tin hàng hóa, dịch vụ; thông tin về sổ giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật; thông tin về giá cả; thông tin vận chuyển và giao nhận; thông tin về điều kiện giao dịch chung; thông tin về các phương thức thanh toán theo quy định thì sẽ bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho tất cả các nội dung trên hoặc sẽ áp dụng với từng nội dung riêng biệt.

- Chưa có quy định hướng dẫn về thủ tục áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn: Nghị định số 98/2020/NĐ-CP có quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với 05 hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử (quy định tại khoản 8 Điều 63 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP) nhưng Nghị định không hướng dẫn về thủ tục áp dụng đối với biện pháp khắc phục hậu quả này. Theo đó, quá trình triển khai thi hành biện pháp khắc phục hậu quả này trên thực tế cũng còn gặp nhiều khó khăn. Việc chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi “*Sử dụng các đường dẫn, biểu trưng hoặc công nghệ khác để gây nhầm lẫn về mối liên hệ với thương nhân, tổ chức, cá nhân khác*” tại điểm a khoản 4 Điều 63 của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP là chưa khắc phục triệt để hậu quả mà hành vi vi phạm này gây ra. Đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc gỡ bỏ các đường dẫn, biểu trưng hoặc công nghệ khác để gây nhầm lẫn về mối liên hệ với thương nhân, tổ chức, cá nhân khác*” đối với hành vi tại điểm a khoản 4 Điều 63.

- Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định hành vi “*Sử dụng biểu tượng đã thông báo để gắn lên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng khi chưa được duyệt hoặc xác nhận thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;*” (điểm c khoản 2 Điều 62) và hành vi “*Sử dụng biểu tượng đã đăng ký để gắn lên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử khi chưa được xác nhận đăng ký của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;*” (điểm e khoản 4 Điều 62). Tuy nhiên, thực tiễn phát sinh hành vi “*Sử dụng biểu tượng đã thông báo để gắn lên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử khi chưa được duyệt*” và hành vi “*Sử dụng biểu tượng đã đăng ký để gắn lên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng khi chưa được duyệt*” dẫn đến vướng mắc trong xác định hành vi vi phạm.

- Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định “*Các hành vi vi phạm hành chính khác trong hoạt động thương mại về (...) sở hữu trí tuệ (...) thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan*”. Tuy nhiên, điểm b khoản 3 Điều 63 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi “*Cung cấp thông tin, kinh doanh hoặc buôn bán hàng giả, hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh trên môi trường internet*”. Điều 10, 11 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công

nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP quy định cụ thể xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này. Như vậy, hành vi buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được quy định ở cả hai Nghị định 98/2020/NĐ-CP và 99/2013/NĐ-CP.

- Chưa có quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ, kinh doanh hàng hóa nhập lậu trên môi trường internet, các nền tảng mạng xã hội.

9. Đối với quy định liên quan đến các hành vi vi phạm khác trong hoạt động thương mại

- Điểm a khoản 1 Điều 78 Nghị định này có quy định xử phạt vi phạm về hành vi “Đặt tên gọi của cơ sở kinh doanh là siêu thị, trung tâm thương mại hoặc từ ngữ tương đương bằng tiếng nước ngoài mà không đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định”. Tuy nhiên, hiện nay, việc đăng ký hoạt động doanh nghiệp, hộ kinh doanh chưa có quy định cụ thể điều kiện sử dụng từ “siêu thị”, “trung tâm thương mại” để đặt tên cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Mặt khác, tiêu chuẩn áp dụng cho loại hình siêu thị được quy định tại Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại, đến nay đã 19 năm mà chưa có thay đổi để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay.

10. Các nội dung khác có liên quan

Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đô thị; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm. Việc xác định thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi còn nhiều ý kiến khác nhau, gây khó khăn cho quá trình áp dụng, nhất là một số hành vi vi phạm thực hiện hoạt động thương mại nhưng mang tính thủ tục hành chính.

Khoản 5 Điều 88 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP không quy định lực lượng Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi thường xuyên xảy ra ở khu vực biên giới như “Hành vi vi phạm quy định khác về kinh doanh rượu, bia” (Điều 30); “Hành vi vi phạm về trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ” (Điều 34); “Hành vi vi phạm về hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu” (Điều 36); “Hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng” (Điều 46); “Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng” (Điều 47); Hành vi vi phạm về quấy rối người tiêu dùng

(Điều 59); Hành vi vi phạm về ép buộc người tiêu dùng (Điều 60); Hành vi vi phạm khác trong quan hệ với khách hàng, người tiêu dùng (Điều 61); Hành vi vi phạm quy định về niêm phong, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 79). Trong khi đó, theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì những hành vi vi phạm nêu trên thuộc chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn công tác xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Bộ đội Biên phòng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng;
- Vụ Pháp chế, Tổng cục Quản lý thị trường;
- Lưu: VT, TCQLTT.



**KI. BỘ TRƯỞNG
THỊ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân